

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày: 18/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Nghiêm và Ông Đoàn Xuân Toàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 27/5/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HS ngày 06/6/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Quốc T** (Bị cáo khai sinh theo họ mẹ); sinh ngày: 02/7/1987 tại xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950; có vợ: Trần Thị O, sinh năm 1987 và 02 con; tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 12/01/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ngày 06/02/2018 chấp hành xong bản án; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày: 06/4/2019; có mặt.

- *Người bị hại:* Chị Lương Thị H; sinh năm 1994; nơi cư trú: Bản Ná Sành, xã TP, huyện QP, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phan Nam H; sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn Th C, xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

2. Chị Trần Thị O; sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã ĐL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị K; sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Tiến L; sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 03/4/2019, Nguyễn Quốc T điều khiển xe mô tô Wave RS biển kiểm soát 81N5-3419 đi đến nhà nghỉ Phong Lan ở tổ dân phố 4, thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; sau đó bị cáo đi lên phòng 204 thấy không đóng cửa và có chị Lương Thị H đang nằm ngủ, có 02 chiếc điện thoại di động của chị H để đầu giường. Lúc này, T nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại nên đi vào phòng và cầm lấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, bỏ vào túi áo của mình rồi quay trở ra điều khiển xe rời khỏi nhà nghỉ và tháo thẻ sim điện thoại ra vứt đi. Sau đó, T đi đến hiệu cầm đồ của anh Phan Nam H cầm cố lấy số tiền 2.000.000 đồng và sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 05/4/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Thọ triệu tập đến làm việc thì T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/KLĐG-HĐĐGTS ngày 05/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus của chị Lương Thị H, trị giá 10.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus; 01 xe mô tô Honda, loại Wave RS màu xanh đen, số máy HC12E0682373, số khung 12279Y066221, biển kiểm soát 81N5-3419; 01 Giấy đăng ký xe mô tô 81N5-3419 mang tên Lê Thị Minh Th. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12/KLĐG-HĐĐGTS ngày 13/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị chiếc xe là 4.000.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Thọ đã trả chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus cho chị Lương Thị H. Các vật chứng còn lại hiện chưa được xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Chị Lương Thị H đã nhận lại tài sản, anh Phan Nam H đã được chị Trần Thị O bồi thường số tiền 2 triệu đồng thay cho bị cáo T nên không yêu cầu giải quyết.

Tại cáo trạng truy tố số 14/CT-VKSĐT ngày 27 tháng 5 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà Nước $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81N5-3419 thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Quốc T; trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe cho chị Trần Thị O.

Truy thu nộp vào ngân sách Nhà Nước số tiền 2.000.000 đồng bị cáo T có được do thu lợi bất chính từ việc phạm tội.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, xin giảm nhẹ hình phạt và không có khiếu nại gì.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng quá trình điều tra không yêu cầu giải quyết về phần dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng xét thấy họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ và việc vắng mặt của họ không làm cản trở việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định xét xử vụ án.

[2]. Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng pháp luật.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng, tang vật thu hồi được và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định vào khoảng 15 giờ ngày 03/4/2019, tại nhà nghỉ Phong Lan bị cáo Nguyễn Quốc T đã lợi dụng chủ sở hữu sơ hở trong quản lý tài sản, đã lén lút lấy trộm một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, trị giá 10.000.000 đồng của chị Lương Thị H, đưa đi

cầm cố lấy 2.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo”, “Gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại; gia đình có công với cách mạng” quy định tại Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về quyết định hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó không chỉ gây ra thiệt hại về mặt vật chất của người bị hại, mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Vì vậy, việc xét xử công khai và lên mức án tương xứng và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như quan điểm Kiểm sát viên đề nghị là cần thiết nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5]. Về xem xét trách nhiệm của người liên quan trong vụ án:

Trong vụ án này, anh Phan Nam H là người đã cho bị cáo Nguyễn Quốc T cầm cố điện thoại, nhưng khi giao dịch anh H không biết nguồn gốc tài sản là do bị cáo phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Chị Lương Thị H, anh Phan Nam H đều vắng mặt nhưng đã nhận lại tài sản bị thiệt hại và không yêu cầu giải quyết về dân sự nên miễn xét.

[7]. Về biện pháp tư pháp:

Số tiền 2.000.000 đồng bị cáo T có được do cầm cố chiếc điện thoại trộm cắp mà có và đã chi tiêu cá nhân hết. Đây là khoản tiền do thu lợi bất chính nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà Nước; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave RS màu xanh đen, số máy HC12E0682373, số khung 12279Y066221, biển kiểm soát 81N5-3419 và một giấy đăng ký xe mô tô 81N5-3419 mang tên Lê Thị Minh Th là tài sản chung của bị cáo T và chị O, việc bị cáo T sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội chị O không biết nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước ½ giá trị chiếc xe thuộc sở hữu của bị cáo T, còn ½ giá trị chiếc xe trả lại cho chị O theo quy định tại Điểm a, b Khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8]. Về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điểm a, b Khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, b Khoản 2 Điều 106; Khoản 1, 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 3; Điều 6; Khoản 1 Điều 21; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo 06/4/2019.

2. Truy thu số tiền 2.000.000 (Hai triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Quốc T nộp vào ngân sách Nhà Nước.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà Nước $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave RS màu xanh đen, số máy HC12E0682373, số khung 12279Y066221, biển kiểm soát 81N5-3419 của bị cáo Nguyễn Quốc T.

Trả lại $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave RS màu xanh đen, số máy HC12E0682373, số khung 12279Y066221, biển kiểm soát 81N5-3419 cho chị Trần Thị O.

Tạm giữ 01 giấy đăng ký xe mô tô 81N5-3419 mang tên Lê Thị Minh Th để đảm bảo thi hành án.

Đặc điểm vật chứng được thể hiện trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/5/2019 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐT và Chi cục Thi hành án huyện ĐT lưu tại hồ sơ vụ án.

3. Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/6/2019. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh (1);
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh (1);
- VKSND huyện Đức Thọ (1);
- CA huyện Đức Thọ (1);
- Chi cục THADS Đức Thọ (1);
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh (1);
- THA Hình sự (3);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Người có QLNVLQ (2);
- Lưu: HS, VP (2)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Trọng